

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH
Hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật
về hòa giải ở cơ sở

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 26 tháng 6 năm 1999;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 6 năm 2008;
Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013,
Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết liên tịch này hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở và tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

- Việc phối hợp hoạt động được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm vai trò, trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức.
- Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; tăng cường tính chủ động, tích cực của mỗi cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở.
- Việc phối hợp phải thường xuyên, kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

Chương II
PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Điều 3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương đóng góp ý kiến về dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở theo đề nghị của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cùng cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết.

Điều 4. Tổ chức phổ biến, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp phổ biến, vận động nhân dân tại cộng đồng dân cư thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật ở cơ sở bằng biện pháp hòa giải.

2. Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận về tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở; bồi dưỡng, tập huấn cho báo cáo viên pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp để thực hiện công tác phổ biến, vận động nhân dân chấp hành pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Điều 5. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở theo đề nghị của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cùng cấp; phối hợp chuẩn bị các điều kiện phục vụ kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo kế hoạch.

2. Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành tự kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại thôn, tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả tự kiểm tra.

Điều 6. Giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; yêu cầu cơ quan, tổ chức được giám sát cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát; tổ chức đối thoại với đối tượng được giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị; gửi báo kết quả giám sát đến Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; yêu cầu tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết; tổ chức thực hiện kiến nghị sau giám sát.

Điều 7. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức hội thi hòa giải viên giỏi

1. Việc phối hợp tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở được thực hiện như sau:

a) Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, định kỳ năm năm tổ chức tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở gửi Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cùng cấp để tổng hợp; đóng góp ý kiến về báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở theo đề nghị của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cùng cấp và phối hợp chuẩn bị các điều kiện phục vụ sơ kết, tổng kết;

c) Căn cứ kế hoạch sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ hòa giải tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội thi hòa giải viên giỏi.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ hòa giải động viên, khuyến khích hòa giải viên tham gia hội thi hòa giải viên giỏi.

Điều 8. Tổ chức khen thưởng về hòa giải ở cơ sở

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương đề xuất với Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân

dân cùng cấp khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tham gia, đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; cho ý kiến về danh sách các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; phối hợp tổ chức tôn vinh, khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

Chương III **PHỐI HỢP THỰC HIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT** **VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

Điều 9. Thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức, vận động các làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư xây dựng nội dung thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong hương ước, quy ước và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện.

Điều 10. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp ở địa phương mà nòng cốt là Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam hướng dẫn, khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn viên, hội viên các tổ chức thành viên của Mặt trận làm hòa giải viên hoặc tham gia trực tiếp hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở.

Các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn viên, hội viên các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia hòa giải ở cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở, khen thưởng hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên khen thưởng khi tích cực tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định định tại Điểm d Khoản 1, Điểm d Khoản 2, Điểm a và Điểm d Khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

Điều 11. Rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải; kiện toàn tổ hòa giải

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải trên địa bàn.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải theo các nội dung chủ yếu sau:

a) Số lượng tổ hòa giải; số lượng, thành phần hòa giải viên hiện có của tổ hòa giải;

b) Kết quả hoạt động hòa giải của năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 của năm, bao gồm: Kết quả hoạt động của tổ hòa giải về số vụ, việc tiếp nhận; số vụ, việc hòa giải thành, số vụ, việc hòa giải không thành; số vụ, việc chưa giải quyết, số vụ, việc đang giải quyết; kết quả hoạt động của từng hòa giải viên về số vụ, việc đã giải quyết, số vụ, việc hòa giải thành, số vụ, việc hòa giải không thành; số vụ, việc chưa giải quyết và số vụ, việc đang giải quyết.

3. Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận kiến nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, bao gồm: số lượng tổ hòa giải cần thành lập mới; các tổ hòa giải phải củng cố, kiện toàn; các trường hợp cho thôi hòa giải viên; dự kiến số lượng bổ sung hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải.

4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổng hợp kiến nghị của Trưởng ban công tác Mặt trận và đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định số lượng tổ hòa giải ở địa phương và số lượng hòa giải viên trong mỗi tổ hòa giải.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định số lượng tổ hòa giải và số lượng hòa giải viên trong mỗi tổ hòa giải.

Điều 12. Bầu hòa giải viên

1. Chuẩn bị bầu hòa giải viên:

a) Trong thời hạn 20 ngày, trước ngày dự kiến bầu hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, đại diện các tổ chức thành viên của Mặt trận dự kiến những người được bầu làm hòa giải viên; thống nhất thời gian bầu hòa giải viên; quyết định hình thức bầu hòa giải viên; quyết định danh sách Tổ bầu hòa giải viên do Trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm phó tổ trưởng, một số trưởng các chi, tổ, hội của thôn, tổ dân phố là thành viên.

Tổ bầu hòa giải viên lập danh sách những người dự kiến bầu làm hòa giải viên (sau đây gọi tắt là danh sách bầu hòa giải viên) sau khi đã trao đổi, đồng ý và nhận được sự đồng ý của những người được giới thiệu bầu làm hòa giải viên.

Trường hợp thành lập tổ hòa giải mới, danh sách bầu hòa giải viên ít nhất bằng với số lượng hòa giải viên đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, danh sách bầu hòa giải viên phải có người dân tộc thiểu số;

b) Danh sách bầu hòa giải viên được thông báo công khai tại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 07 ngày, trước ngày bầu hòa giải viên. Trường hợp có ý kiến phản ánh về danh sách bầu hòa giải viên, thì Trường ban công tác Mặt trận xem xét, giải quyết.

2. Tổ chức bầu hòa giải viên:

a) Việc bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố trở lên tham dự và thực hiện như sau:

Đại diện Tổ bầu hòa giải viên giới thiệu danh sách Tổ bầu hòa giải viên; tiêu chuẩn của hòa giải viên; danh sách bầu hòa giải viên; thống nhất hình thức bầu hòa giải viên tại cuộc họp.

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai, Tổ bầu hòa giải viên trực tiếp đếm số người biểu quyết và lập biên bản về kết quả biểu quyết (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu hòa giải viên làm nhiệm vụ phát phiếu, phổ biến quy chế bỏ phiếu, thu nhận phiếu và kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên; lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này);

b) Việc bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

Tổ bầu hòa giải viên phát phiếu bầu đến các hộ gia đình, thu nhận lại phiếu bầu và kiểm phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên, lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

3. Kết quả bầu hòa giải viên:

a) Trường hợp kết quả bầu hòa giải viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 8 của Luật hòa giải ở cơ sở, Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này) kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

b) Việc bầu lại hòa giải viên được thực hiện trong trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý. Việc bầu bổ sung hòa giải viên được thực hiện trong trường hợp kết quả bầu không đủ số lượng hòa giải viên để thành lập tổ hòa giải theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố, thì việc bầu lại hoặc bầu bổ sung hòa giải viên được tiến hành ngay tại cuộc họp đó.

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình, thì thời gian tổ chức bầu lại hoặc bầu bổ sung hòa giải viên do Trường ban công tác Mặt trận quyết định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu trước đó.

Tổ bầu hòa giải viên dự kiến danh sách mới để bầu lại, bầu bổ sung hòa giải viên;

c) Trường hợp số người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận, trong đó bao gồm những người có số phiếu bằng nhau gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

d) Trường hợp tổ hòa giải đã được thành lập đủ số lượng hòa giải viên theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nhưng chưa có hòa giải viên nữ hoặc hòa giải viên là người dân tộc thiểu số theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Luật hòa giải ở cơ sở, thì Trường ban công tác Mặt trận làm văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trường ban công tác Mặt trận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc bầu bổ sung hòa giải viên nữ hoặc hòa giải viên là người dân tộc thiểu số;

đ) Nếu việc bầu lại hoặc bầu bổ sung hòa giải viên theo quy định tại Điểm b, Điểm d Khoản 3 Điều này không đạt kết quả, thì Trường ban công

tác Mặt trận làm văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định số lượng, thành phần tổ hòa giải.

Điều 13. Bầu tổ trưởng tổ hòa giải

1. Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Thành lập tổ hòa giải mới;

b) Tổ trưởng tổ hòa giải thôi làm hòa giải viên, thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải.

2. Tổ chức bầu tổ trưởng tổ hòa giải:

Cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải do Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì và được thực hiện như sau:

a) Hòa giải viên tham dự cuộc họp thống nhất danh sách những người được giới thiệu bầu làm tổ trưởng tổ hòa giải, lựa chọn hình thức bầu, thống nhất danh sách Tổ kiểm phiếu trong trường hợp bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai thì Trưởng ban công tác Mặt trận đếm số người biểu quyết, lập biên bản về kết quả biểu quyết (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này);

c) Trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Tổ kiểm phiếu làm nhiệm vụ phát phiếu, phổ biến quy chế bỏ phiếu, thu nhận phiếu và tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu; lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

3. Kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải:

a) Người được đề nghị công nhận là tổ trưởng tổ hòa giải phải đạt trên 50% số hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này) kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

b) Trường hợp kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải không có người nào đạt trên 50% số hòa giải viên đồng ý thì bầu lại hai người có số phiếu cao nhất;

Trường hợp kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải có hai người có số phiếu cao nhất bằng nhau và đạt trên 50% số hòa giải viên đồng ý thì tiến hành bầu lại giữa hai người này. Việc bầu lại được tiến hành ngay tại cuộc họp quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 14. Thôi làm hòa giải viên

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở, nếu Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải, thì Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo với tổ trưởng tổ hòa giải, nêu rõ lý do không đồng ý, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Trường hợp không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, hòa giải viên kiến nghị để Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ dân phố xem xét, giải quyết.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tư pháp, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham mưu giúp Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết liên tịch này.

2. Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết liên tịch này tại địa phương.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phối hợp theo quy định tại Nghị quyết liên tịch này do ngân sách nhà nước cấp trong dự toán kinh phí hàng năm của cơ quan, tổ chức và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiện Nhân

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc VN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ban Thường trực Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBMTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b), UBTUMTTQVN (3b). 4/0



Phụ lục
MẪU VĂN BẢN TRƯNG BẦU HÒA GIẢI VIÊN, BẦU TỔ TRƯỞNG
TỔ HÒA GIẢI, THÔI LÀM HÒA GIẢI VIÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Tịch số 01 /2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở)

Mẫu số 01	Biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình
Mẫu số 02	Biên bản kiểm phiếu bầu hòa giải viên tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình
Mẫu số 03	Biên bản kiểm phiếu bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình
Mẫu số 04	Biên bản về kết quả biểu quyết bầu tổ trưởng tổ hòa giải
Mẫu số 05	Biên bản kiểm phiếu bầu tổ trưởng tổ hòa giải
Mẫu số 06	Danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải
Mẫu số 08	Văn bản đề nghị về việc thôi làm hòa giải viên
Mẫu số 09	Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên

Mẫu số 01

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

BIÊN BẢN

**Về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên tại cuộc họp đại diện
các hộ gia đình**

Hôm nay, vào giờ, ngày tháng năm

Tại:.....

Thôn/tổ dân phố.....tổ chức cuộc họp
đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà): - Tổ Trưởng

Ông (Bà):- Phó tổ trưởng

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

đã tiến hành xác định kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên.

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố:

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp:

Kết quả biểu quyết:

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào giờ ngày..... tháng năm

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
CHỨNG KIẾN¹**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊN
TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

BIÊN BẢN

Kiểm phiếu bầu hòa giải viên tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình

Hôm nay, vào giờ, ngày tháng năm

Tại:.....

Thôn/tổ dân phố.....tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà): - Tổ Trưởng

Ông (Bà):- Phó tổ trưởng

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):....., địa chỉ.....

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố:

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp:

Kết quả kiểm phiếu bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào giờ ngày..... tháng năm

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
CHỨNG KIẾN¹**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊN
TỔ TRƯỞNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

Mẫu số 03

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

BIÊN BẢN

Kiểm phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình về việc bầu hòa giải viên

Hôm nay, vào giờ, ngày tháng năm

Tại:.....

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

- Ông (Bà): - Tổ Trưởng
- Ông (Bà): - Phó tổ trưởng
- Ông (Bà): - Thành viên
- Ông (Bà): - Thành viên
- Ông (Bà): - Thành viên
- Ông (Bà): - Thành viên
- Ông (Bà): - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình về việc bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):....., địa chỉ.....

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố:

Kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:
- Tổng số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:
- Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Stt	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào giờ ngày..... tháng năm

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc kiểm phiếu.

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
CHỨNG KIẾN¹**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊN
TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

Mẫu số 04

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

BIÊN BẢN

Về kết quả biểu quyết bầu tổ trưởng tổ hòa giải

Hôm nay, vào giờ, ngày tháng năm

Tại:.....

Tổ hòa giải....., thôn/tổ dân phố.....

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai.

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:

Kết quả biểu quyết bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào giờ ngày..... tháng năm

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

BIÊN BẢN

Kiểm phiếu bầu tổ trưởng tổ hòa giải

Hôm nay, vào giờ, ngày tháng năm

Tại:.....

Tổ hòa giải....., thôn/tổ dân phố.....

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Tổ kiểm phiếu bao gồm các ông (bà) có tên sau đây:

Ông (Bà): - Tổ Trưởng

Ông (Bà): - Thành viên

Ông (Bà): - Thành viên

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:

Kết quả kiểm phiếu bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:
- Tổng số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:
- Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào giờ ngày..... tháng năm

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ KIỂM PHIẾU
TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH
Đề nghị công nhận hòa giải viên

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Căn cứ kết quả bầu hòa giải viên (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... xem xét, quyết định công nhận hòa giải viên đối với các ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Căn cứ kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... xem xét, quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải đối với ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Về việc thôi làm hòa giải viên

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Căn cứ đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải:.....

về việc thôi làm hòa giải viên, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét, quyết định thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà):....., địa chỉ.....

Lý do thôi làm hòa giải viên:.....

**TRƯỞNG THÔN/
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09

Xã, phường, thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Về việc thôi làm hòa giải viên

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Ngày..... tháng.....năm....., tổ trưởng tổ hòa giải:.....

đề nghị thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà):.....,
địa chỉ.....

với lý do:.....

- Ý kiến của Trưởng ban công tác Mặt trận:

- Ý kiến của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....
.....xem xét, quyết định.

**TRƯỞNG THÔN/
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)